

TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI GIÁ TRỊ XÃ HỘI CAO QUÝ NHẤT

Phạm Minh Hạc*

Ngày nay, để giải quyết các vấn đề toàn cầu (hoà bình, hợp tác, phát triển, dân số, khí hậu...), các tổ chức quốc tế, quốc gia kêu gọi mọi người từng quốc gia và toàn thế giới nâng cao tinh thần trách nhiệm xã hội (TNXH).

TNXH tạo nên sức mạnh dân tộc, nhân tố quan trọng bậc nhất trong nội lực của chúng ta, rất cần phát huy ở thời kỳ đổi mới đất nước – giai đoạn có nhiều biến đổi, nhiều mâu thuẫn trong đời sống, trong hệ giá trị, nhất là đối với “tinh thần trách nhiệm xã hội”. Vì vậy, nghiên cứu TNXH như một phạm trù khoa học có ý nghĩa quan trọng đối với công cuộc dựng xây và giữ gìn vẹn tròn Tổ quốc; đối với việc giáo dục giá trị, nhất là định hướng cho thanh niên biết coi trọng giá trị “trách nhiệm xã hội”.

Bài viết sử dụng các số liệu khảo sát điều tra của Đề tài nghiên cứu cấp nhà nước KX-07 (tiến hành năm 1991-1995 theo quan niệm của UNESCO); Điều tra giá trị châu Á (Việt Nam tham gia 2006); Điều tra giá trị Thế giới (Việt Nam tham gia 2 lần 2001, 2006) và đề tài KX.05-07 (2001-2005) tiến hành nghiên cứu nhân cách theo phương pháp NEO PI-R có bổ sung, nhằm trong một chừng mực nhất định, phác họa một số nét chung hiện nay về tinh thần TNXH của thanh niên, như về thái độ đối với giá trị nhân loại, giá trị dân tộc, quan hệ người - người.

Nhập đề

Xã hội loài người là do con người gắn kết với nhau tạo dựng nên, cùng nhau hợp sức xây đắp nên xã hội nông nghiệp bắt đầu khoảng từ 10.000 năm trước đây, rồi phát triển lên xã hội công nghiệp khoảng từ gần 300 năm lại đây, bây giờ đang đi vào thời hậu công nghiệp với kinh tế tri thức. Ngày nay, để giải quyết các vấn đề toàn cầu (hoà bình, hợp tác, phát triển, dân số, khí hậu...), các tổ chức quốc tế, quốc gia kêu gọi mọi người từng quốc gia và toàn thế giới nâng cao tinh thần trách nhiệm xã hội (TNXH). Vào thế kỷ mới Liên hiệp quốc đưa ra Mục tiêu Thiên

niên kỷ, cũng trông chờ vào TNXH của mọi người.

Việt Nam ta cũng vậy, được hình thành từ các cộng đồng các dân tộc, trong quá trình đó các dân tộc sống trên đất Việt đã gắn bó với nhau, có trách nhiệm với nhau, đùm bọc chung sống, bảo vệ nhau, dần dần tạo nên những giá trị chung được gọi là ý thức dân tộc, rồi ý thức quốc gia - dân tộc với đỉnh cao đầu tiên từ khởi nghĩa do Hai Bà lãnh đạo vào năm 40 thế kỷ thứ nhất sau Công nguyên. Đó là trách nhiệm của những người con các dân tộc Việt Nam đối với Tổ quốc - được gọi là trách nhiệm xã hội. Trải qua thăng trầm lịch sử, TNXH của con người Việt Nam ngày một phát triển, nhất là

* GS. TSKH.; Chủ tịch Hội khoa học tâm lý - giáo dục Việt Nam.

trong các cuộc đấu tranh ác liệt chống ngoại xâm, và gần đây, nổi bật trong các cuộc chiến tranh nửa sau thế kỷ XX là cuộc chiến đã giành được độc lập, thống nhất, hoà bình. Có thể nói, TNXH (tinh thần yêu nước, tinh thần dân tộc, lòng tự tôn, tự hào dân tộc, “thà hy sinh tất cả, chứ không chịu làm nô lệ”, “không có gì quý hơn độc lập, tự do”...) là cội nguồn của những chiến công vĩ đại. TNXH trở thành giá trị xã hội (GTXH) cao quý nhất của con người. TNXH tạo nên sức mạnh dân tộc, một nhân tố quan trọng bậc nhất trong nội lực của chúng ta, rất cần phát huy ở thời đổi mới đất nước - cái thời có nhiều đổi thay, nhiều mâu thuẫn trong đời sống, trong hệ giá trị, nhất là đối với GTXH “tinh thần trách nhiệm xã hội”. Vì vậy cần đề cập, nghiên cứu TNXH như một phạm trù khoa học, cũng như một giá trị cực kỳ quan trọng đối với công cuộc dựng xây và giữ gìn vẹn tròn Tổ quốc; phải giáo dục giá trị, nhất là định hướng coi trọng giá trị “trách nhiệm xã hội”.

I. Cơ sở lý luận

1. Thuật ngữ “xã hội” trong họ ngữ Latinh xuất hiện từ thế kỷ XV. Có thể tìm thấy một cách hiểu xã hội khá rõ ràng trong “Bàn về khế ước xã hội” (1762) của J.J.Rutxô (J.J.Rousseau, 1712-1794, Pháp): xã hội là những con người liên kết với nhau, khếp mình vào tập thể thành một lực lượng chung, được điều khiển bằng một động cơ chung, ý chí chung, tinh thần chung, hành động một cách hài hoà - mỗi người tự hiến dâng cho mọi người, và mọi người thu về một giá trị tương đương với cái mình đã cống hiến (J.J.Rutxô, 2004: 66-69). Quan niệm này đã nói tới các mối quan hệ của con người trong một tập thể cùng nhau hoạt động, thành một sức mạnh vật chất và tinh thần

để tồn tại được trong hoàn cảnh thiên nhiên. Gần một thế kỷ sau, khoảng gần giữa thế kỷ XIX, Các Mác (Karl Marx, 1818-1883, Đức) xác định xã hội là tổng hoà các quan hệ xã hội, như quan hệ kinh tế, quan hệ chính trị, quan hệ văn hoá...; trong đó quan hệ sản xuất giữ vai trò quyết định. Cách hiểu trong Từ điển Nguyễn Lân gần với quan niệm của Rutxô và Mác: xã hội là tập thể người cùng sống và gắn bó với nhau trong quan hệ sản xuất và các quan hệ khác. Từ điển Wikipedia định nghĩa theo cách rất đơn giản: xã hội là tổng các cá thể cùng sống trên một lãnh thổ. Tâm lý học hiện đại nhấn mạnh quan hệ giao tiếp, quan hệ liên nhân cách, quan hệ người - người cùng với lao động và các hoạt động khác tạo nên xã hội. Hiện nay nhiều khi hiểu xã hội là cộng đồng những con người cùng sống, gắn bó với nhau, cùng đóng góp - xã hội được xây dựng nên bởi trách nhiệm xã hội của các thành viên, ví dụ nói: cộng đồng quốc tế, cộng đồng dân tộc, cộng đồng làng xóm v.v..

2. Thuật ngữ “cộng đồng” lần đầu được Ph.Tôni (Ferdinand Toonie, 1855-1936, Đức) phân biệt với thuật ngữ “xã hội” vào năm 1887: “xã hội” bao gồm tập thể người rộng hơn “cộng đồng”, cộng đồng gồm những người gắn bó mật thiết hơn xã hội, gia đình và họ hàng là ví dụ điển hình của cái gọi là cộng đồng, cộng đồng nhất thiết phải có cùng mong muốn. Thuật ngữ “cộng đồng” dùng trong các khoa học khác nhau có sắc thái khác nhau. Tâm lý học nhấn mạnh 4 thành tố của cộng đồng: thành viên, ảnh hưởng, thống nhất nhu cầu, quan hệ tình cảm, coi cộng đồng có các tiêu chí: cùng sống và làm việc trong một môi trường, gắn bó, tham gia đóng góp, chia sẻ một hệ giá trị,

cùng một bản sắc, cùng lợi ích. Khái quát hơn, chia ra ba loại cộng đồng: (1) cộng đồng địa lý từ hàng xóm, thôn bản, thành phố, vùng miền đến quốc gia đến toàn cầu; (2) cộng đồng văn hoá coi trọng bản sắc, như cộng đồng tôn giáo, dân tộc, cộng đồng văn hoá thế giới; cộng đồng người tàn tật, trẻ thiệt thòi cũng xếp vào loại này; (3) cộng đồng theo tổ chức: gia đình, họ hàng, tổ chức nghề nghiệp, doanh nghiệp, cơ cấu chính trị, từ phạm vi quốc gia đến quốc tế. Trong "Văn minh Việt Nam" (1944) Nguyễn Văn Huyền đã phát hiện cơ cấu cộng đồng ba tầng bậc "nhà - làng - nước" xây nên một cơ cấu đoàn kết quốc gia - dân tộc Việt Nam có giá trị vững bền suốt chiều dài lịch sử cho đến ngày nay và chắc chắn mãi mãi sau này.

3. Khái niệm "đoàn kết" trong tài liệu nước ngoài hay gọi là cố kết (cohesion) chỉ tinh thần, hành động của các thành viên thể hiện, thực hiện; chính nhờ có tinh thần và hành động đó mới hình thành nên và giữ vững được cộng đồng, xã hội. Đoàn kết - cố kết - mọi người gắn bó với nhau - hòn đá tảng của cộng đồng, xã hội. Người Việt Nam ai cũng khắc sâu trong tâm khảm và hành động theo khẩu hiệu "Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết - thành công, thành công, đại thành công" do chủ tịch Hồ Chí Minh nêu lên từ những ngày đầu kháng chiến chống ngoại xâm. Ngày nay, Đại hội X Đảng cộng sản Việt Nam (2006) một lần nữa lấy khẩu hiệu này làm động lực quan trọng bậc nhất để đưa đất nước thoát khỏi tình trạng kém phát triển, được toàn dân nhiệt liệt hưởng ứng. Ở nước ngoài, đi vào thế kỷ mới vấn đề cố kết cũng được đề cao, được bàn luận nhiều: "cố kết" là nối lại với nhau tạo ra hoạt động cùng nhau, và "cố kết xã hội"

là sống hài hoà trong cộng đồng, xã hội, cam kết cùng nhau (Wikipedia -Mạng Google); Hội đồng châu Âu, Nghị viện Canada ra Tuyên bố kêu gọi các công dân của mình hãy cố kết xây dựng Cộng đồng, đất nước tốt đẹp. Đoàn kết, cố kết thực sự là một giá trị xã hội cực kỳ quan trọng, đó chính là cội nguồn tạo nên "vốn xã hội" - một giá trị đóng góp trực tiếp vào sự phát triển cộng đồng, xã hội.

4. Khái niệm "vốn xã hội" là một khái niệm mới do J.Giacóp (Jane Jacob) đề ra từ năm 1960, dần dần trở nên thông dụng (Piovre Bourdieu, 1972; Jame Coleman, Glenn Loury, 1977, v.v..), coi đây là một giá trị như một thứ vốn, cần được củng cố, gia tăng. Đặc biệt giới nghiên cứu cũng như giới kinh doanh hay nhắc tới tác phẩm "Chơi ném bóng chày một mình: sự sụp đổ và khôi phục của Cộng đồng Mỹ" (2000) của R.D. Pútman (Robert D.Putman); tác giả khẳng định: vốn xã hội là một giá trị tập thể của các mạng lưới (tổ chức) xã hội, do biết nhau, gắn bó với nhau, mà mong muốn làm cho nhau một cái gì đó; ông cũng cảnh báo trong 25 năm qua giá trị này trong xã hội Mỹ đã bị sa sút: các cuộc gặp gỡ câu lạc bộ giảm 58%, các bữa cơm tối gia đình giảm 33%, bạn bè thăm nhau giảm 45% (Wikipedia -Mạng Google). Thế mà, vốn xã hội lại có giá trị tăng năng suất lao động. Và hơn thế, vốn xã hội được coi là yếu tố then chốt của giá trị dân chủ. Vì vậy, phải cùng nhau chăm sóc sự tồn tại và phát triển cộng đồng thông qua giáo dục tinh thần trách nhiệm xã hội, nâng cao "vốn xã hội". Trong xã hội công dân một khi tinh thần cộng đồng được duy trì và phát huy, đó chính là điều kiện để phát triển tự do và an sinh - mọi người phải chia sẻ với nhau tự do và an sinh, thì mới

cùng có tự do và cuộc sống an bình, như Mác và Ăngghen viết trong “Tuyên ngôn Đảng cộng sản” (1848): sự tự do phát triển của người này là điều kiện cho người kia phát triển, nghĩa là mọi người phải cùng nhau phát triển, thì mới có cộng đồng tốt đẹp, điều kiện tối cần thiết ở đây là mọi người phải có tinh thần cộng đồng. Trong tác phẩm “Vốn xã hội và xã hội công dân” (1999) Fukuyama (F.Fukuyama) viết: “Vốn xã hội là chuẩn mực không chính thức tăng cường hợp tác giữa hai hoặc nhiều cá thể” (Wikipedia - Mạng Google). Tinh thần cộng đồng tạo nên vốn xã hội, là một giá trị xã hội quan trọng, đó cũng là cốt lõi của tinh thần trách nhiệm xã hội của mọi người đóng góp vào sự ổn định và phát triển xã hội.

5. Trách nhiệm xã hội (TNXH) là khái niệm trung tâm của bài này. TNXH: quan hệ người - người chung sống, tham gia hợp tác, khoan dung, gắn bó với nhau, với cộng đồng, xã hội, đóng góp công của bảo vệ, phát triển bền vững cộng đồng, xã hội từ xóm giềng, phố phường đến quốc gia - dân tộc, thế giới - loài người. Trong thế giới ngày nay hơn bao giờ hết cần giáo dục nâng cao tinh thần TNXH. Đầu thế kỷ XXI, ngày 9-4-2002 Liên hiệp quốc đã công bố Cam kết toàn cầu về TNXH, yêu cầu ủng hộ các giá trị: quyền con người, chuẩn lao động, môi trường, chống tham nhũng; gần đây LHQ cũng đưa ra phương pháp tiếp cận “tham gia” áp dụng cho hầu hết các dự án: dự án nào cũng phải có sự tham gia của các thành phần trong cộng đồng hay tập thể mà sự án đề cập. Dự thảo Chuẩn quốc tế ISO. 2600 (sẽ công bố vào năm 2009) cũng đưa ra cam kết TNXH, nhấn mạnh yêu cầu mọi người, mọi tổ chức, doanh nghiệp phải đóng góp cho xã hội, ở cả ba

mức độ: (1) mức độ tự nhiên, (2) mức độ tự nguyện, (3) mức độ nghĩa vụ, coi đó là giá trị xã hội ai cũng phải có thái độ đúng đối với các giá trị của cộng đồng, xã hội và thể hiện các giá trị ấy vào cuộc sống của mình, cũng như của cộng đồng, xã hội. Cộng đồng, xã hội đánh giá con người theo đóng góp của người ấy đối với cộng đồng, xã hội, tức là theo sự thể hiện tinh thần TNXH của người ấy. Ở các đình làng Việt Nam có tục thờ Thành hoàng là người có công lớn nhất đối với dân làng; từng vùng, cả nước tôn vinh các anh hùng dân tộc, thường gọi các vị đó là Thánh, nhiều nơi lập đền thờ, hàng năm dân chúng đến đó gọi là đi trả hội để tạ ơn và cầu Thánh ban cho phúc lộc, đời này qua đời khác tạo thành tinh thần dân tộc, lòng yêu nước, tinh thần TNXH dựng xây, giữ gìn quê hương, đất nước.

6. Giá trị xã hội (GTXH) là khái niệm chỉ phạm trù nằm trong phạm trù trách nhiệm xã hội. Ph. Sumpitơ (Foseph Schumpeter, 1883-1950, Áo - Hung) là người đầu tiên đề cập đến khái niệm này trong bài “Bàn về luận điểm Giá trị xã hội” vào năm 1908-1909, khẳng định rằng khái niệm này dùng để chỉ các giá trị do xã hội định ra, nói lên các điều mong muốn, lợi ích của cộng đồng, và các cá thể trong đó hoạt động cùng nhau một cách có ý thức vì các lợi ích, những điều mong muốn đó (Wikipedia - Mạng Google). Người nào làm gì có ý nghĩa bảo vệ, xây dựng, phát triển xã hội, cộng đồng từ phạm vi quốc tế, quốc gia - đến thôn, xã, phố phường, người đó đã góp phần tạo nên GTXH. Công lao đó của thầy giáo, văn nghệ sĩ, doanh nhân, nhà khoa học, các nhà hoạt động xã hội... đều được cộng đồng, xã hội ghi nhận. Có thể nói, làm mọi thứ trên đời này là để có

xã hội và con người - hai phạm trù gắn bó với nhau: nhìn chung, xã hội thế nào thì con người thế ấy, và ngược lại, con người thế nào thì xã hội thế ấy. Sumpitơ coi “giá trị xã hội là mặt trời trong vũ trụ”; giá trị của từng người - giá trị nhân cách (Phạm Minh Hạc, 2007) là tia sáng rọi cho cây cỏ xanh tươi. Giá trị nhân cách luôn vươn tới GTXH, mong muốn ngày một hoàn thiện hơn, ngày một gia tăng GTXH trong nhân cách, rút bớt khoảng cách giữa giá trị nhân cách (GTNC) và GTXH: toàn bộ công việc giáo dục là nhằm rút bớt khoảng cách này. Giá trị xã hội là giá trị cao đẹp nhất của con người.

II. Một số kết quả khảo sát điều tra thái độ đối với GTXH của thanh niên

Trong bài này có sử dụng một số liệu khảo sát điều tra của KX-07 (tiến hành năm 1991-1995 theo quan niệm của UNESCO) và Điều tra giá trị châu Á (ĐTGTCA) tiến hành 2003-2006 theo phương pháp Điều tra giá trị Thế giới (ĐTGTGG) đã tiến hành được gần 20 năm nay ở gần 100 quốc gia và vùng lãnh thổ. Việt Nam tham gia ĐTGTGG 2 lần (2001, 2006) và ĐTGTCA một lần (2006); KX-05-07 tiến hành nghiên cứu nhân cách theo phương pháp NEO PI-R có bổ sung 60 câu hỏi khảo sát đối tượng thanh niên học sinh, sinh viên, lao động (Phạm Minh Hạc, 155-200); các lần điều tra khảo sát số người tham gia N=khoảng 1000 người. Ở đây lấy ra các số liệu nói lên, trong một chừng mực nhất định, một số nét chung hiện nay về tinh thần TNXH của thanh niên chúng ta, như thái độ đối với giá trị nhân loại, giá trị dân tộc, quan hệ người - người, tinh thần công tác xã hội.

1. 85-90% (N) có thái độ đánh giá cao các giá trị nhân loại, toàn cầu, như giá trị hoà bình, hữu nghị, hợp tác.

2. Lòng tự hào dân tộc, vốn quý trong con người vẫn được trân trọng (bảng 1)

Bảng 1: Lòng tự hào dân tộc (%)

Việt Nam	98,6
Singapo	90,7
Trung Quốc	88,3
Nhật Bản	87,9
Triều Tiên	81
Hồng Kông	74,2
Đài Loan	64,4

Nguồn: Điều tra giá trị châu Á, 2006, Trung tâm Nippon, Nhật Bản.

3. Khảo sát xem thanh niên lao động bây giờ quan tâm cái gì nhất, kết quả cho thấy họ quan tâm nhiều đến nghề nghiệp, hạnh phúc gia đình hơn là các lợi ích chung như xã hội ổn định, kinh tế phát triển (bảng 2). Chuyển đổi từ một xã hội với nền kinh tế bao cấp sang nền kinh tế thị trường, trong đời sống tinh thần có sự giằng co giữa xu hướng cá nhân lo toan với xu hướng đóng góp cho xã hội: coi trọng giá trị cá nhân (GTCN) hơn giá trị xã hội. Điều tra nỗi lo sợ cũng cho kết quả như vậy (bảng 3).

Bảng 2: Mong muốn quan trọng nhất trong 5 năm tới (%)

1. Nghề nghiệp phù hợp	26,3
2. Hạnh phúc gia đình	23,7
3. Sức khoẻ tốt	23,1
4. Xã hội ổn định, kinh tế đất nước phát triển	9,4
5. Học tập	8,5
6. Các mong muốn khác	9,0

Nguồn: KX.05-07, 2004.

Bảng 3: Nỗi lo sợ nhất trong 5 năm tới (%)

1. Sức khoẻ	35,8
2. Không có việc làm, làm không đúng nghề	21
3. Gia đình không hạnh phúc	14,8
4. Thiên tai địch hoạ	12,3
5. Xã hội không ổn định, tiêu cực, kinh tế kém phát triển	5,8
6. Các cái khác	10,3

Nguồn: KX.05-07, 2004.

$GTNC = 1+2+3=71,6$; $GTXH = 4+4=18,1$,
như vậy là $GTNC > GTXH$

4. Để xem thái độ của lao động trẻ có thái độ như thế nào đối với sự hợp tác (tham gia, cố kết), đưa ra một bảng 15 câu hỏi (theo ĐTGTTG, cũng như ĐTGTC, mỗi câu hỏi được coi là một giá trị), kết quả là giá trị “hợp tác với mọi người” được xếp cuối cùng (bảng 4), nặng về lo toan cho cá nhân hơn là đối với xã hội, tinh thần cộng đồng thật sự có vấn đề.

Bảng 4: Các phẩm chất giáo dục gia đình cần coi trọng (%)

1. Tính tự lập	87,69
2. Sống có trách nhiệm	86,01
3. Cần cù, chăm chỉ, kiên trì	74,46
4. Lòng khoan dung và tôn trọng người khác	74,20
5. Coi trọng gia đình	69,18
6. Tiết kiệm	66,67
7. Giữ chữ tín, trung thực	62,23
8. Phấn đấu để có bằng cấp	59,72
9. Biết giữ lương tâm, danh dự	56,95
10. Dám nghĩ, dám làm, năng động, tháo vát	55,11
11. Sáng tạo	52,25
12. Có ước mơ hoài bão lớn	48,41
13. Có ý thức trau dồi nghề nghiệp	47,24
14. Có ý thức lập thân, lập nghề, làm giàu	41,04
15. Hợp tác với mọi người	31,32

Nguồn: KX.05-07, 2004.

Số liệu ở bảng 5 về mức độ thoã mãn tình bạn, Việt Nam đứng cuối cùng trong 7 nước, có thể do nhiều nguyên nhân, nhưng có thể nhận xét rằng sau những năm tháng quá gian khổ, vất vả, hy sinh, bây giờ mỗi người tập trung quan tâm trước hết tới cuộc sống của bản thân và gia đình. Theo bảng kết quả này, ít nhất khoảng một nửa (54,1%) số người như vậy.

Bảng 5: Bảy nước, vùng lãnh thổ Đông Á - Mức độ thoã mãn với tình bạn

Nước, vùng	N	Rất thoã mãn + thoã mãn vừa vừa (%)	Thứ hạng
Singapo	1.038	89,7	1
Nhật Bản	1.003	81,3	2
Hồng Kông	1.000	72,6	3
Đài Loan	1.006	72,5	4
Triều Tiên	1.023	68,9	5
Trung Quốc	2.000	60	6
Việt Nam	1.000	54,1	7

Nguồn: Điều tra giá trị châu Á, 2006. Trung tâm Nghiên cứu Nippon.

Các số liệu ở bảng 6 cho ta một nhận xét hoàn toàn trùng hợp với nhận xét vừa nêu: cũng chỉ khoảng một nửa (47,54%) chọn người có tinh thần đoàn kết, hợp tác, có tinh thần cộng đồng là mẫu người lý tưởng, tức là giá trị trách nhiệm xã hội bị đánh giá thấp. Kết quả ghi trong bảng 7 lại thêm một minh chứng, và là minh chứng rõ hơn, trực tiếp hơn, về tinh thần cộng đồng của những người tham gia khảo sát đang có chiều hướng sa sút: chỉ có 49,44% (N) có tham gia hoạt động xã hội tại cộng đồng địa phương, đối với các hoạt động xã hội khác (từ số 2 đến số 9 trong bảng 7) đều có kết quả thấp.

Bảng 6: Mẫu người lý tưởng
(% N=1771)

1. Có bản lĩnh, tự tin	77,19
2. Năng động, tháo vát, nhạy bén	74,65
3. Có trình độ học vấn cao	69,96
4. Có lương tâm, trách nhiệm	69,00
5. Có uy tín, được mọi người tôn trọng	67,65
6. Có sức khoẻ tốt	62,79
7. Thông minh, sáng tạo	60,42
8. Trung thực, thẳng thắn, cương nghị	54,71
9. Đoàn kết, hợp tác, có tinh thần cộng đồng	47,54
10. Khiêm tốn, giản dị, trong sạch	44,83
11. Hiểu biết nhiều, có kinh nghiệm, từng trải	42,12
12. Vui vẻ, cởi mở	42,07
13. Có quan hệ xã hội rộng	40,43
14. Hiếu học, cầu tiến	40,03

Nguồn: KX.05-07, 2004.

Bảng 7: Số công nhân, nông dân tham gia hoạt động cộng đồng (% N= 710)

Hoạt động	%
1. Các hoạt động XH tại cộng đồng địa phương	49,44
2. Các dịch vụ xoá đói giảm nghèo	47,46
3. Công tác thanh niên	40,70
4. Các hoạt động văn hoá TDTT	40,28
5. Các tổ chức XH quần chúng	34,93
6. Hoạt động XH công ích, chữ thập đỏ	32,96
7. Các tổ chức từ thiện	31,83
8. Các dịch vụ phúc lợi XH cho người già, tàn tật, túng thiếu	31,69
9. Các nhóm bảo vệ môi trường	26,76

Nguồn: KX05-07, 2004.

Số liệu ở bảng 8 chứng minh rõ hơn xu thế giảm tinh thần trách nhiệm xã hội trong thanh niên học sinh tham gia khảo sát, chỉ có 37,79% (N) tỏ ra sẵn sàng tham gia công việc tập thể.

Bảng 8: Thái độ của học sinh, sinh viên đối với công việc tập thể
(N=1069)

Trả lời	%
Sẵn sàng	37,79
Không sẵn sàng	12,07
Không trả lời	

Nguồn: KX05-07, 2004.

Đưa ra bảng câu hỏi về những điểm yếu của thanh niên nông dân và doanh nhân Việt Nam, trong đó điểm yếu “trốn tránh nghĩa vụ”, có tới 66,74% người tham gia khảo sát công nhận là có điểm yếu đó, nặng nhất là “ăn chơi đua đòi” có tới 75,23%, sống theo “xu hướng thực dụng” 74,85%... (bảng 9).

Bảng 9: Những điểm yếu của thanh niên nông dân và doanh nhân Việt Nam
(% N=1.389)

1. Ăn chơi đua đòi	75,23
2. Xu hướng thực dụng	74,85
3. Giao động về lý tưởng phấn đấu	68,31
4. Trốn tránh nghĩa vụ	66,74
5. Sa vào các tệ nạn xã hội	6,40
6. Không có ý thức phấn đấu vào Đoàn, vào Đảng	54,20
7. Không tôn trọng kỷ cương pháp luật	44,64
8. Không tôn trọng người lớn tuổi	42,78
9. Mê tín dị đoan	38,39
10. Mất niềm tin vào CNXH	35,53

Nguồn: KX05-07, 2004.

III. Giáo dục tinh thần trách nhiệm xã hội

Tinh thần TNXH, như đã trình bày, vừa là sản phẩm vừa là tiền đề của sự tồn tại của loài người, đó là một phạm trù cực kỳ quan trọng đối với cuộc sống của tất cả các cộng đồng, các xã hội quốc gia - dân tộc, và cả nhân loại, do đó cũng là phạm trù rất quan trọng trong tất cả các khoa học xã hội, nhân văn. Tinh thần TNXH phần nào tự nhiên có ở con người, bắt đầu nảy nở từ sự gắn bó với người mẹ, rồi sinh ra và lớn lên trong quan hệ người - người, hình thành và phát triển tính người, tình người - hai đặc điểm này cùng với ngôn ngữ, lao động làm nên con người và loài người. Cần nhấn mạnh, tinh thần TNXH “phần nhiều do giáo dục mà nên” (Hồ Chí Minh).

Các số liệu dẫn ở trên cho thấy bên cạnh những đặc điểm cơ bản trong TNXH thanh niên ta hiện nay vẫn tiếp nối được truyền thống của cha ông, gần đây có nhiều đổi thay trong thái độ giá trị trong thời đổi mới chuyển từ xã hội với nền kinh tế bao cấp sang nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, bộc lộ rõ mâu thuẫn giữa thái độ coi trọng lợi ích tinh thần với coi trọng lợi ích vật chất, giữa coi trọng GTXH với GTNC. TNXH sa sút, nhiều lúc gây nên tiêu cực, tệ nạn xã hội, mâu thuẫn gia đình, mất đoàn kết trong cộng đồng..., sinh ra nhiều tâm, bệnh hoạn tâm thần, sức khoẻ tinh thần sa sút, thậm chí tình hình phạm pháp. Đảng và Nhà nước đã vạch ra đường lối tăng trưởng kinh tế phải đi đôi với phát triển xã hội, rất chú ý làm sao giữ được ổn định chính trị, an sinh xã hội, phát triển bền vững con người. Đã có nhiều chủ

trương, biện pháp xây dựng đời sống cộng đồng từ thôn bản, xã phường... như thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở, Xây dựng đời sống văn hoá cơ sở, củng cố sinh hoạt các đoàn thể chính trị..., đặc biệt chú trọng phát triển giáo dục - đào tạo. Nhà trường là thiết chế xã hội cực kỳ quan trọng, giáo dục thế hệ trẻ hiểu rõ và thực hiện tốt trách nhiệm xã hội - thực hiện nghĩa vụ công dân, tích cực tham gia công tác xã hội, đóng góp xây dựng phát triển cộng đồng, dân tộc, đất nước, nhân loại. Điều quan trọng là cần đặc biệt quan tâm giáo dục giá trị, làm sao mọi người hiểu, cống hiến, hưởng thụ đúng giá trị của bản thân mình vì lợi ích của bản thân, gia đình, cộng đồng, dân tộc, đất nước. Đồng thời Nhà nước, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất định hướng giá trị đúng, động viên được tiềm năng của các thành viên, có thang giá trị hợp thời, thước đo giá trị hợp lý, nhằm lựa chọn, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, tôn vinh thích đáng với công lao đóng góp vào giá trị chung của cộng đồng, từng địa phương và cả nước. Như vậy, đất nước ta sẽ phát triển bền vững, phồn vinh, an bình, tự do, hạnh phúc.

Tài liệu tham khảo:

1. J.J.Rutsô. *Bàn về kế ước xã hội*. Hoàng Thanh Đạm dịch, chú thích, bình giải. Nxb. Lý luận chính trị, 2004, tr. 66-69.
2. “Cố kết”. Wikipedia. Mạng Google.
3. “Cộng đồng”. Wikipedia. Mạng Google.
4. Phạm Minh Hạc. *Giá trị nhân cách*. Tạp chí Tâm lý học, 9-2007.
5. Phạm Minh Hạc (chủ biên). *Nghiên cứu giá trị nhân cách*, tr. 155-200.